

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỎ
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10-3-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên;

Ông Đèo Văn Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phàn Xa Ằ, sinh năm 2000, địa chỉ: Bản P, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Tẩn A N, sinh năm: 1998, địa chỉ: Bản P, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phàn Xa Ằ trình bày:

Chị Phàn Xa Ằ và anh T A N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 10/9/2020, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu. Chị Ằ và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống, chị Ằ và anh N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không chia sẻ, thông cảm cho nhau. Anh N không chung thủy, không quan tâm đến gia đình, không cùng

chị A lo kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu, thỉnh thoảng còn đánh chị A. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không có kết quả. Chị A và anh N đã sống ly thân từ năm 2023, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, không liên lạc với nhau. Hiện nay, chị A không còn tình cảm với anh N nữa, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị A và anh N có 02 con chung là cháu Tân A K, sinh ngày 05/4/2018 và cháu Tân Minh C, sinh ngày 10/10/2021. Hiện nay, các cháu đang ở với bố và ông bà nội. Anh N có đủ điều kiện để nuôi con và có bố, mẹ đẻ của anh N hỗ trợ anh N chăm sóc, dạy bảo các cháu. Chị A đi làm xa, không thường xuyên ở nhà nên chị A nhất trí để anh N nuôi các con. Chị A thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu, số tiền cấp dưỡng là 500.000 đồng/cháu/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Xa A và anh Tân A N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do hai bên không hợp tính nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, thông cảm cho nhau, ngoài ra, không có nguyên nhân nào khác. Không có việc anh N uống rượu, đánh chị A như lời khai của chị A. Hiện nay, anh N không còn tình cảm với chị A nữa và nhất trí ly hôn với chị A. Về con chung, hiện nay các cháu K, C đang ở cùng anh N và bố mẹ đẻ của anh N, được anh N và bố, mẹ anh N yêu thương, quan tâm, chăm sóc. Anh N có đủ điều kiện để nuôi con và có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Anh N nhất trí việc cấp dưỡng nuôi con theo nguyện vọng mà chị A đặt ra. Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Tòa án đã thông báo phiên hòa giải nhưng tại phiên hòa giải, nguyên đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Kết quả xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án, xác định: Hiện nay, anh N đang cư trú tại địa phương. Về điều kiện nuôi con của anh N, chị A đúng như lời khai của đương sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn vắng mặt không có lý do, vi phạm quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phàn Xa Ằ, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phàn Xa Ằ được ly hôn với anh Tần A N. Về con chung: Giao cháu T A K và cháu Tần Minh C cho anh T A N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ằ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 500.000 đồng/cháu/tháng, thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, thực hiện cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hình thức thực hiện: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào số tài khoản: 0362381662, tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, tên chủ tài khoản là Tần A. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Phàn Xa Ằ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị Ằ và bị đơn là anh Tần A N. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại bản P, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn có mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phàn Xa Ằ và anh T A N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu theo đúng quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Ằ và anh N thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không chia sẻ, thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn giữa chị Ằ và anh N đã được gia đình hai bên vợ chồng khuyên bảo nhưng không có kết quả. Từ năm 2023, chị Ằ và anh N sống ly thân, anh, chị không còn có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương với nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Hiện nay, chị Ằ không còn tình cảm với anh N nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Chị Ằ trình bày anh N không chung thủy, thường xuyên uống rượu, thỉnh thoảng còn đánh chị Ằ nhưng chị Ằ không cung cấp được tài liệu,

chứng cứ chứng minh. Tòa án đã thông báo phiên hòa giải và triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải nhưng tại phiên hòa giải, anh N vắng mặt nên không hòa giải được. Anh N trình bày do không còn tình cảm với chị A nữa nên anh N nhất trí ly hôn với chị A. Giữa chị A và anh N không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, giải quyết cho chị A được ly hôn với anh N theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Phan Xa A và anh Tấn A N và có 02 con chung là cháu Tấn A K, sinh ngày 05/4/2018 và cháu Tấn Minh C, sinh ngày 10/10/2021. Từ khi chị A, anh N sống ly thân, các con của anh chị sống cùng với anh N và bố mẹ đẻ của anh N, được anh N và bố, mẹ anh N quan tâm, chăm sóc. Chị A hiện nay đi làm xa, không thường xuyên ở nhà nên chị A có nguyện vọng để cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Anh N có đủ điều kiện, có đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con. Ngoài ra, anh N có bố mẹ đẻ thường xuyên quan tâm, hỗ trợ anh N chăm sóc, giáo dục các con. Để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu K, cháu C cho anh N là người trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị A có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Xa A tự nguyện thực hiện mức cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000 đồng/cháu/tháng, thực hiện cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh N nhất trí mức cấp dưỡng mà chị A đưa ra. Xét thấy việc chị A thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cần thiết, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện, khả năng của chị A hiện nay, phương thức thực hiện cấp dưỡng theo yêu cầu của anh N là phù hợp nên cần chấp nhận. Về tài sản chung: Chị Phan Xa A và anh Tấn A N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình và án phí đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều

51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Xa Ằ được ly hôn với anh Tân A N.

- Về con chung: Giao cháu Tân A K, sinh ngày 05/4/2018 và cháu Tân Minh C, sinh ngày 10/10/2021, cho anh T A N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ằ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu T A K và cháu Tân Minh C, mức cấp dưỡng là 500.000 đồng/cháu/tháng, thực hiện vào ngày 15 hàng tháng. Thời điểm thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hình thức thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào số tài khoản: 0362381662, tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, tên chủ tài khoản là Tân A.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản: Chị Phan Xa Ằ và anh Tân A N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Xa Ằ được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Nậm Xe (Nơi ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

